

**NGÂN HÀNG**

Địa chỉ: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
Mã số thuế: 0312345678  
Số tài khoản: 12345678901234567890  
Số điện thoại: 090 1234 5678  
Website: www.thanglong.com.vn

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010  
đã được kiểm toán

Có Cầu 1

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	<b>5 - 6</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>7 - 28</b>
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long, trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Cầu Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 4978/QĐ-TCCB-TĐ ngày 02 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 934/1998/QĐ-TCCB ngày 22 tháng 4 năm 1998 của Bộ Giao thông Vận tải, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 110743 ngày 26 tháng 6 năm 1996 do Ủy ban Kế hoạch cấp, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000765 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hiện nay, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 1762/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105020 ngày 10 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 158.706.621.309 đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cấu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cấu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cấu kết thép, cấu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

Ngoài ra, Tổng Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

## **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

---

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 28).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Công Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Ủy viên
Ông Phan Quốc Hiếu	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Ban	Ủy viên
Bà Trương Thị Minh Lan	Ủy viên

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Quốc Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Rạng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2011

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phan Quốc Hiếu**

Số: 12./2011/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010  
của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được lập ngày 15 tháng 4 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

### *Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên*

- Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Tổng Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi khẳng định được tính hiện hữu, tính đầy đủ cũng như tình trạng của tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm nêu trên.
- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng nợ, đồng thời Tổng Công ty chưa thực hiện việc phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Việc phát hành hóa đơn tài chính và kê khai thuế giá trị gia tăng của Văn phòng Tổng Công ty không diễn ra đồng thời với thời điểm ghi nhận doanh thu và thuế giá trị gia tăng trên sổ kế toán.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long được tính bằng với giá trị của sản lượng dở dang do Công ty tự xác định, trong đó, giá trị của sản lượng dở dang được tính căn cứ trên khối lượng thực hiện và đơn giá theo hợp đồng với bên A.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số công nợ phải thu khó đòi của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long là 1.816.217.017 đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ trên, số tiền là 1.486.015.258 đồng.

**Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)**

- Một phần chi phí quản lý đã phát sinh trong năm 2010 của Công ty Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thăng Long, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long với số tiền là 1.851.483.748 đồng chưa được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh mà đang được phản ánh trong số dư của khoản mục "Chi phí trả trước ngắn hạn".

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**  
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.022.846.565.643</b>	<b>1.045.610.996.899</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>28.607.301.828</b>	<b>47.877.717.507</b>
1.	Tiền	111	V.01	27.307.301.828	47.877.717.507
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>130.000.000</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	130.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>799.917.297.897</b>	<b>741.423.902.971</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		155.393.269.360	221.520.116.105
2.	Trả trước cho người bán	132		70.632.732.765	44.589.684.558
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		536.662.640.769	382.499.860.969
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	37.289.356.105	92.814.241.339
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(60.701.102)	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>153.398.946.509</b>	<b>212.065.342.286</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	153.398.946.509	212.065.342.286
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.923.019.409</b>	<b>44.114.034.135</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.310.654.828	2.370.132.785
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.245.076.268	24.283.517.060
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	1.964.724.227	962.405.040
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		15.402.564.086	16.497.979.250



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>191.512.958.950</b>	<b>185.859.083.714</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>25.639.128.763</b>	<b>26.244.015.385</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.05	25.639.128.763	26.244.015.385
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>33.442.338.252</b>	<b>40.466.558.352</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	15.266.174.267	22.515.394.587
	- Nguyên giá	222		125.587.495.966	207.879.677.706
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(110.321.321.699)	(185.364.283.119)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	663.424.000
	- Nguyên giá	228		807.457.685	1.470.881.685
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(807.457.685)	(807.457.685)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	18.176.163.985	17.287.739.765
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.09</b>	<b>126.288.834.575</b>	<b>106.960.792.116</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		30.518.459.836	17.108.338.278
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.332.374.739	66.228.896.951
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		30.438.000.000	23.623.556.887
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.142.657.360</b>	<b>12.187.717.861</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	6.142.657.360	12.187.717.861
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.214.359.524.593</b>	<b>1.231.470.080.613</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.062.368.915.709</b>	<b>1.083.583.477.996</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.008.063.066.691</b>	<b>1.027.106.817.691</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	67.146.442.725	102.599.477.521
2.	Phải trả người bán	312		29.521.391.038	46.599.810.793
3.	Người mua trả tiền trước	313		626.251.842.644	483.769.412.205
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	6.549.259.661	20.228.629.793
5.	Phải trả người lao động	315		11.308.893.558	8.798.918.686
6.	Chi phí phải trả	316	V.13	8.284.273.269	2.608.905.077
7.	Phải trả nội bộ	317		197.913.314.921	203.985.891.496
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	57.097.570.298	155.522.666.987
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.990.078.577	2.993.105.133
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.305.849.018</b>	<b>56.476.660.305</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	900.000.000
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.15	53.814.944.126	54.507.310.099
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		490.904.892	1.069.350.206
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>151.990.608.884</b>	<b>147.886.602.617</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>151.990.608.884</b>	<b>147.886.602.617</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.813.519.634	134.198.507.728
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	4.335.141.856
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.113.693.504	736.958.109
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		373.616.191	4.694.962.250
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		218.328.129	2.493.599.203
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.471.451.426	1.471.451.426
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	(44.017.955)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.214.359.524.593</b>	<b>1.231.470.080.613</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	- USD		6.663,89	6.071,40
	- JPY		38.807.589,10	117.981.106,00
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

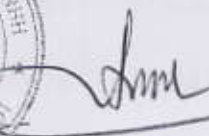
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	789.828.732.418	772.025.609.520
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.017.886.166	1.185.946.727
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	788.810.846.252	770.839.662.793
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	758.171.843.781	750.375.820.395
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.639.002.471	20.463.842.398
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	35.193.033.576	16.894.658.544
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	9.282.201.675	9.479.071.379
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.167.134.560	9.181.950.439
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		51.888.456.794	33.604.353.082
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.661.377.578	(5.724.923.519)
11.	Thu nhập khác	31		6.713.576.584	15.131.014.981
12.	Chi phí khác	32		1.222.785.993	1.906.557.490
13.	Lợi nhuận khác	40		5.490.790.591	13.224.457.491
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.152.168.169	7.499.533.972
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	246.711.713	1.099.077.174
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.905.456.456	6.400.456.798

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		845.397.210.494	753.485.015.795
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(837.930.425.341)	(753.821.086.702)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(42.069.756.298)	(46.649.795.424)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(16.119.068.771)	(13.204.251.104)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.259.280.900)	(135.705.076)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		47.275.251.986	113.763.091.904
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.661.251.635)	(147.615.453.352)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(27.367.320.465)</b>	<b>(94.178.183.959)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.611.329.350)	(15.655.411.707)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.874.278.419
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.800.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.989.346.789	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.808.240.000)	(676.119.020)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		763.900.000	1.080.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.357.031.635	3.509.773.945
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.109.290.926)</b>	<b>(4.867.478.363)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		126.755.619.084	130.162.734.806
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(117.175.042.716)	(116.932.449.955)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.580.576.368</b>	<b>13.230.284.851</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20.896.035.023)	(85.815.377.471)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.877.717.507	133.693.094.978
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.625.619.344	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		28.607.301.828	47.877.717.507

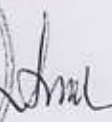
Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ 01 tháng 01 năm 2010 đến 31 tháng 12 năm 2010

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty TNHH một thành viên.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Thi công xây dựng các phần nền móng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Gia công cầu kiện thép phục vụ trực tiếp cho sản xuất, thi công; Vận chuyển vật tư thiết bị, cầu kiện phục vụ thi công;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, bến cảng), công trình dân dụng, công nghiệp và thủy lợi; Sản xuất cầu kết thép, cầu kiện bê tông;
- Sản xuất, kinh doanh bê tông trộn sẵn;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa các loại thiết bị thi công công trình;
- Khảo sát thiết kế và thiết kế các công trình giao thông đường bộ, công trình xây dựng cầu;
- Thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình giao thông; thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông.

#### **04. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Từ ngày 04 tháng 7 năm 2010, Công ty Cầu 1 Thăng Long chuyển đổi mô hình hoạt động từ đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty sang hình thức Công ty TNHH một thành viên, 100% vốn đầu tư của Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ là tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Riêng với chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của số dư các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ thì được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ hoặc theo dõi chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán để phân bổ cho các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ sau năm phát sinh lỗi.

#### 02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



## TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 năm

### 04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Tổng Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Tổng Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Tổng Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Tổng Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Vật tư luân chuyển;
- Chi phí sửa chữa lớn.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

## TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Tiền mặt	345.707.329	616.865.828
- Tiền gửi ngân hàng	26.961.594.499	47.260.851.679
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>27.307.301.828</u></b>	<b><u>47.877.717.507</u></b>

**02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	98.000.000	365.593.584
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	37.191.356.105	92.448.647.755
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	8.762.567.461	7.719.030.461
+ Ban điều hành Dự án Gói 6 - Cầu Phù Đổng	12.278.469.005	37.562.970.949
+ Ban điều hành Bông Sơn - Bàn Thạch	2.571.237.711	2.571.237.711
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	3.003.360.818	2.927.896.967
+ Công ty TNHH Bê Tông Mê Kông Thăng Long	4.429.999.810	3.356.414.210
+ Các đối tượng khác	6.145.721.300	38.311.097.457
<b>Cộng</b>	<b><u>37.289.356.105</u></b>	<b><u>92.814.241.339</u></b>

**03. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.123.341.557	16.428.250.408
- Công cụ, dụng cụ	141.627.688	527.437.879
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	150.133.977.264	195.109.653.999
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hoá	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>153.398.946.509</u></b>	<b><u>212.065.342.286</u></b>

**04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.958.774.227	956.455.040
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	5.950.000	5.950.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.964.724.227</u></b>	<b><u>962.405.040</u></b>

**05. Phải thu dài hạn nội bộ**

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
- Cho vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ khác	25.639.128.763	26.244.015.385
<b>Cộng</b>	<b><u>25.639.128.763</u></b>	<b><u>26.244.015.385</u></b>

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	26.193.585.086	139.927.591.637	35.272.594.859	6.464.001.362	21.904.762	207.879.677.706
- Mua trong kỳ	-	5.101.501.263	-	1.172.354.335	-	6.273.855.598
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	4.150.320.417	-	27.717.273	-	4.178.037.690
- Tăng khác	-	-	-	16.938.643	-	16.938.643
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(923.371.620)	-	-	-	(923.371.620)
- Giảm khác	(2.250.655.810)	(71.778.263.906)	(17.137.507.266)	(671.215.069)	-	(91.837.642.051)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	23.942.929.276	76.477.777.791	18.135.087.593	7.009.796.544	21.904.762	125.587.495.966
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu kỳ</i>	20.044.225.846	127.090.215.463	33.133.808.454	5.090.009.547	6.023.809	185.364.283.119
- Khấu hao trong kỳ	498.825.642	1.998.034.940	466.909.243	687.748.797	2.190.476	3.653.709.098
- Tăng khác	38.028.486	172.814.392	-	7.573.411	3.176.186	221.592.475
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(710.439.322)	-	-	-	(710.439.322)
- Giảm khác	(2.250.655.810)	(58.540.713.942)	(16.855.526.717)	(560.927.202)	-	(78.207.823.671)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	18.330.424.164	70.009.911.531	16.745.190.980	5.224.404.553	11.390.471	110.321.321.699
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	6.149.359.240	12.837.376.174	2.138.786.405	1.373.991.815	15.880.953	22.515.394.587
2. Tại ngày cuối kỳ	5.612.505.112	6.467.866.260	1.389.896.613	1.785.391.991	10.514.291	15.266.174.267

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<i>Số dư đầu kỳ</i>	663.424.000	807.457.685	1.470.881.685
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	(663.424.000)	-	(663.424.000)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	807.457.685	807.457.685
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<i>Số dư đầu kỳ</i>	-	807.457.685	807.457.685
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	807.457.685	807.457.685
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
<i>1. Tại ngày đầu kỳ</i>	663.424.000	-	663.424.000
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	-

**08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010	01/01/2010
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.550.707.012	1.550.707.012
- Khu Công nghiệp Đông Anh	31.874.512	31.874.512
- Chi phí sửa chữa, đầu tư vật tư luân chuyển	9.694.000.000	9.694.000.000
- Đầu khoan RT3- ST & cần khoan Kelly	5.047.531.358	-
- Chế tạo bê VS	204.092.039	-
- Ván khuôn cốp hộp + đốt cần + VK	42.069.979	-
- Chế tạo gầu khoan	60.914.700	-
- Chế tạo cầu trục 3 tấn	67.857.176	-
- Ván khuôn MSS	1.122.668.453	1.122.668.453
- Ván khuôn 3A Thanh Trì	144.546.751	-
- Khung chống, ván khuôn cầu hẫng gói 3A- Thanh Trì	151.360.036	1.253.319.137
- Chế tạo ván khuôn rỗng công trình Dakmin	58.541.969	-
- Nhà điều hành	-	723.579.819
- Máy đúc hẫng	-	2.911.590.832
<b>Cộng</b>	<b>18.176.163.985</b>	<b>17.287.739.765</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>a- Đầu tư vào công ty con</b>		<b>30.518.459.836</b>		<b>17.108.338.278</b>
- Công ty TNHH 1 thành viên Cầu 1 Thăng Long	1.777.849	17.778.494.936	-	-
- Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	435.600	4.356.000.000	435.600	4.356.000.000
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	-	-	435.600	3.604.473.378
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	555.624	5.556.240.000	555.624	5.556.240.000
- Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long	282.772	2.827.724.900	359.162	3.591.624.900
<b>b- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>65.332.374.739</b>		<b>66.228.896.951</b>
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>		<i>34.891.119.788</i>		<i>35.787.642.000</i>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	197.600	1.976.000.000	197.600	1.976.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	735.980	7.359.800.000	735.982	7.359.820.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	262.950	2.629.500.000	262.950	2.629.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	160.000	1.600.000.000	110.976	1.109.760.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	107.100	1.071.000.000	107.100	1.071.000.000
- Công ty CP Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	428.682	4.298.409.788	959.196	9.591.962.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	360.000	3.600.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	303.800	3.038.000.000	303.800	3.038.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long	367.200	3.672.000.000	367.200	3.672.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	403.641	4.036.410.000	372.960	3.729.600.000

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	131.000	1.310.000.000	131.000	1.310.000.000
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh</i>		30.441.254.951		30.441.254.951
- Công ty Liên doanh Mit sui Thăng Long		22.911.354.844		22.911.354.844
- Công ty Thi công nền móng Việt Pháp		168.249.600		168.249.600
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		7.361.650.507		7.361.650.507
<b>c- Đầu tư dài hạn khác</b>		30.438.000.000		23.623.556.887
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh		23.623.000.000		23.623.556.887
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>		126.288.834.575		106.960.792.116
- Lý do thay đổi khoản đầu tư của công ty con				
+ Công ty Cầu 1 Thăng Long chuyển đổi loại hình hoạt động từ đơn vị phụ thuộc của Văn phòng Tổng Công ty sang hình thức Công ty TNHH 1 thành viên.				
+ Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long tăng vốn điều lệ, quyền kiểm toán của của Văn phòng Tổng Công ty còn 13,6%.				

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
- Chi phí vật tư luân chuyển	5.655.215.145	987.067.433
- Chi phí sửa chữa lớn	475.244.422	422.857.143
- Ván khuôn	-	8.270.016.006
- Giá trị còn lại của CCDC có giá trị lớn chờ phân bổ	12.197.793	2.507.777.279
<b>Cộng</b>	<b>6.142.657.360</b>	<b>12.187.717.861</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
- <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>67.146.442.725</b>	<b>102.599.477.521</b>
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	67.106.173.625	102.559.208.421
+ Vay ngắn hạn đối tượng khác	40.269.100	40.269.100
- <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>67.146.442.725</b>	<b>102.599.477.521</b>



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	131.000	1.310.000.000	131.000	1.310.000.000
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh</i>		30.441.254.951		30.441.254.951
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long		22.911.354.844		22.911.354.844
- Công ty Thi công nền móng Việt Pháp		168.249.600		168.249.600
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long		7.361.650.507		7.361.650.507
<b>c- Đầu tư dài hạn khác</b>		30.438.000.000		23.623.556.887
- Công ty TNHH BOT Yên Lệnh		23.623.000.000		23.623.556.887
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	681.500	6.815.000.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>		126.288.834.575		106.960.792.116
- Lý do thay đổi khoản đầu tư của công ty con				
+ Công ty Cầu 1 Thăng Long chuyển đổi loại hình hoạt động từ đơn vị phụ thuộc của Văn phòng Tổng Công ty sang hình thức Công ty TNHH 1 thành viên.				
+ Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long tăng vốn điều lệ, quyền kiểm toán của của Văn phòng Tổng Công ty còn 13,6%.				

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
- Chi phí vật tư luân chuyển	5.655.215.145	987.067.433
- Chi phí sửa chữa lớn	475.244.422	422.857.143
- Ván khuôn	-	8.270.016.006
- Giá trị còn lại của CCDC có giá trị lớn chờ phân bổ	12.197.793	2.507.777.279
<b>Cộng</b>	<b>6.142.657.360</b>	<b>12.187.717.861</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
- <i>Vay ngắn hạn</i>	67.146.442.725	102.599.477.521
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	67.106.173.625	102.559.208.421
+ Vay ngắn hạn đối tượng khác	40.269.100	40.269.100
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>67.146.442.725</b>	<b>102.599.477.521</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010	01/01/2010
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	6.486.763.847	20.181.108.798
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	33.114.993	13.287.620
- Các loại thuế khác	-	34.233.375
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.380.821	-
<b>Cộng</b>	<b>6.549.259.661</b>	<b>20.228.629.793</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2010	01/01/2010
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả	6.271.266.231	-
- Trích trước chi phí các ban điều hành	1.972.679.622	2.568.577.661
- Trích trước chi phí khác	40.327.416	40.327.416
<b>Cộng</b>	<b>8.284.273.269</b>	<b>2.608.905.077</b>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/10
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	273.414.326	516.803.060
- Bảo hiểm xã hội	523.005.989	808.554.787
- Bảo hiểm y tế	132.929.659	237.668.641
- Bảo hiểm thất nghiệp	39.980.334	-
- Phải trả về cổ phần hóa	60.408.084	23.500.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	447.930.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.067.831.906	153.488.210.499
+ Phải trả liên danh Tổng 6+8+TLC	7.545.027.750	7.545.027.750
+ Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long	1.004.315.000	1.004.315.000
+ Chủ ĐT tạm thanh toán 5% TK Vinh Tuy	6.641.000.000	6.641.000.000
+ Công ty Cầu 5 Thăng Long	-	8.732.609.819
+ Công ty Cổ phần XD số 12 Thăng Long	2.526.034.285	2.462.009.285
+ Công ty CP Cơ giới và XD Thăng Long	1.290.000.000	1.240.000.000
+ Các đối tượng khác	37.061.454.871	125.863.248.645
<b>Cộng</b>	<b>57.097.570.298</b>	<b>155.522.666.987</b>

**15. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
- <b>Vay dài hạn</b>	<b>50.525.485.259</b>	<b>51.217.851.232</b>
+ Vay ngân hàng	50.525.485.259	51.217.851.232
+ Vay đối tượng khác	-	-
- <b>Nợ dài hạn</b>	<b>3.289.458.867</b>	<b>3.289.458.867</b>
+ Thuê tài chính	-	-
+ Nợ dài hạn khác	3.289.458.867	3.289.458.867
<b>Cộng</b>	<b>53.814.944.126</b>	<b>54.507.310.099</b>

16. **Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

a. **Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	148.567.661.466	4.335.141.856	-	3.608.010.026	1.977.171.844	1.471.451.426	19.689.515	159.979.126.133
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	6.400.456.798	6.400.456.798
- Tăng khác	293.952.738	-	-	92.859.541	-	-	-	386.812.279
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	736.958.109	-	-	-	-	736.958.109
- Giảm vốn trong năm trước	(16.706.144.244)	-	-	-	-	-	-	(16.706.144.244)
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	2.043.037.768	-	-	994.092.683	595.186.672	-	(5.951.866.715)	(2.319.549.592)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(78.759.313)	-	(512.297.553)	(591.056.866)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>134.198.507.728</b>	<b>4.335.141.856</b>	<b>736.958.109</b>	<b>4.694.962.250</b>	<b>2.493.599.203</b>	<b>1.471.451.426</b>	<b>(44.017.955)</b>	<b>147.886.602.617</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>								
- Tăng lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc theo Biên bản kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	(325.364.560)	(325.364.560)
- Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	-	-	9.905.456.456	9.905.456.456
- Điều chỉnh vốn góp công ty liên kết	471.040.507	-	-	-	-	-	-	471.040.507
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ	3.142.726.769	-	-	1.585.729.077	929.638.229	-	(9.536.073.941)	(3.877.979.866)
- Tăng khác	11.001.244.630	-	1.113.693.504	-	-	-	-	12.114.938.134
- Giảm khác	-	(4.335.141.856)	(736.958.109)	(5.907.075.136)	(3.204.909.303)	-	-	(14.184.084.404)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>148.813.519.634</b>	<b>-</b>	<b>1.113.693.504</b>	<b>373.616.191</b>	<b>218.328.129</b>	<b>1.471.451.426</b>	<b>-</b>	<b>151.990.608.884</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
- Vốn góp của Nhà nước	148.813.519.634	134.198.507.728
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>148.813.519.634</b>	<b>134.198.507.728</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	134.198.507.728	148.567.661.466
+ Vốn góp tăng trong kỳ	14.615.011.906	2.336.990.506
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	16.706.144.244
+ Vốn góp cuối kỳ	148.813.519.634	134.198.507.728
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2010	01/01/2010
- Quỹ đầu tư phát triển	373.616.191	4.694.962.250
- Quỹ dự phòng tài chính	218.328.129	2.493.599.203
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.471.451.426	1.471.451.426
<b>Cộng</b>	<b>2.063.395.746</b>	<b>8.660.012.879</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2010 Đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Doanh thu bán hàng (*)	1.367.061.078	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.853.365.686	2.358.890.953
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	785.608.305.654	769.666.718.567
<b>Cộng</b>	<b>789.828.732.418</b>	<b>772.025.609.520</b>

(\*) Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng hóa	1.367.061.078
+ Doanh thu bán thành phẩm	-

**Cộng** **1.367.061.078****02. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2010 Đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	785.957.480.566	768.480.771.840
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	2.853.365.686	2.358.890.953
<b>Cộng</b>	<b>788.810.846.252</b>	<b>770.839.662.793</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	997.753.584	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	755.634.354.281	749.422.902.078
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.539.735.916	952.918.317
<b>Cộng</b>	<b>758.171.843.781</b>	<b>750.375.820.395</b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.542.213.908	6.192.868.378
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.587.619.577	3.626.739.147
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.802.227.063	7.075.051.019
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	260.973.028	-
<b>Cộng</b>	<b>35.193.033.576</b>	<b>16.894.658.544</b>

**05. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009
- Lãi tiền vay	9.167.134.560	9.181.950.439
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.067.115	-
- Chi phí tài chính khác	-	297.120.940
<b>Cộng</b>	<b>9.282.201.675</b>	<b>9.479.071.379</b>

**06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 Đến 31/12/2009
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	943.429.834
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	246.711.713	155.647.340
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>246.711.713</b>	<b>1.099.077.174</b>

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Từ 01/01/2009 Đến 31/12/2009
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.642.485.289	181.552.351.303
- Chi phí nhân công	54.224.545.843	50.049.780.114
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.583.006.131	3.938.899.350
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.191.257.309	54.309.119.982
- Chi phí khác bằng tiền	53.133.762.456	28.388.665.039
- Chi phí thuê phụ	603.105.586.922	468.058.782.555
<b>Cộng</b>	<b>883.880.643.950</b>	<b>786.297.598.343</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG**

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, trong đó, chỉ tiêu “Quy khen thưởng, phúc lợi” được trình bày lại trong phần “Nợ phải trả” thay vì trình bày trong phần “Vốn chủ sở hữu” để phù hợp với quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**02. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**03. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2010	01/01/2010
<b>1. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>1.1. Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	84,23	84,91
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	15,77	15,09
<i>1.2. Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,48	87,99
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,52	12,01
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,14	1,14
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,02
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,05
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		<b>Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 Đến 31/12/2009</b>
<i>3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,29	0,97
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,25	0,83
<i>3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,84	0,61
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,82	0,52

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Hoàn

Lê Văn An

Phan Quốc Hiếu